

Bản án số: 19/2021/HS-PT

Ngày 10 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Hùng

Ông Nguyễn Duy Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 142/2020/TLPT - HS ngày 30 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 03 tháng 7 năm 1994 tại xã B, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Đạo thiên chúa; Trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Trần Thị E và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

Bị cáo Dương Văn D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 21 tháng 7 năm 2019, Dương Văn D cùng bạn là Nguyễn Văn F, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn G đều có địa chỉ ở Thôn S, xã B, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc ngồi ăn uống tại quán lẩu L ở thôn J, xã B, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến khoảng 00 giờ 45 phút ngày 22 tháng 7 năm 2019 thì D rủ F về trước để đi hát Karaoke ở quán Karaoke P tại Thôn S, xã B, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc, F đồng ý rồi lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 30X3 – 0911 của mình chở D đi hát, sẵn có 01 viên ma túy tổng hợp D đang mang theo trong người nên trên đường đi D rủ F đi hát và chơi đồ, ý D bảo F đi hát và rủ F sử dụng ma túy tổng hợp thì F hiểu ý của D và đồng ý, lúc này D lấy điện thoại của mình gọi cho Nguyễn Văn T (là em trai của Nguyễn Văn K chủ quán hát Karaoke P, hiện T đang là quản lý quán hát Karaoke P và là người quen với D), qua điện thoại D bảo T “chuẩn bị cho em một phòng hát, lát nữa bọn em qua hát và chơi đồ”, ý của D là hỏi thuê phòng để hát và sử dụng ma túy, T hiểu ý của D thuê phòng để hát và D cùng một số đối tượng sử dụng ma túy thì T đã đồng ý. D và F đến quán hát thì F gọi điện thoại gặp Q rủ Q và G đến để hát Karaoke, Q đồng ý và bảo G đi cùng, sau đó Q đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream lắp biển kiểm soát 88K1 – 6666, G đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 88G1 – 177.00 đến quán Karaoke P thì gặp D và F đang ở trước cửa quán, lúc này D bảo góp tiền để mua ma túy và thuê phòng hát, tất cả đồng ý, G góp số tiền 200.000 đồng, Q góp số tiền 850.000 đồng, F góp 1.000.000 đồng. Do vẫn thiếu tiền mua ma túy và để trả tiền hát nên D bảo với T cho D cầm chiếc điện thoại Iphone 7 Plus của D lấy 4.000.000 đồng. T đồng ý và lấy 4.000.000 đồng đưa cho D, nhưng T cho D mượn lại chiếc Iphone 7 Plus để D gọi điện hỏi mua ma túy. Sau đó T đưa F, Q, G lên phòng hát 301 ở tầng 3, còn D đứng đợi để mua ma túy và đã mua được thêm 04 viên ma túy tổng hợp với giá 2.000.000 đồng rồi D mang lên phòng hát 301 và bảo T gọi cho 04 nhân viên nữ lên phòng hát để hát và phục vụ rót bia. T đồng ý rồi đi xuống tầng 1 và gọi điện cho Lý Hồng N ở thôn M, xã B, huyện X (là chủ quán karaoke J) bảo N cho 04 nhân viên nữ đến phòng 301 để hát và phục vụ rót bia, N đồng ý. Lúc này tại phòng 301 D đang cất trong người 05 viên ma túy tổng hợp (dạng viên nén màu hồng), sau đó D lấy 03 viên ma túy tổng hợp trong người ra đưa cho Q 01 viên, đưa cho F 01 viên, rồi D cầm 01 viên bẻ làm hai rồi đưa cho G ½ viên bảo mọi người cùng sử dụng, ½ viên còn lại D dùng chai nước lọc giã nhỏ hòa vào nước coca có tại phòng hát rồi uống hết vào cơ thể. F và G bỏ ma túy D đưa cho vào túi nilon đựng hạt hướng dương có ở phòng hát rồi dùng chai nước lọc giã thành bột pha vào nước coca rồi uống vào cơ thể, còn Q do đã uống nhiều rượu nên không dùng ma túy D đưa cho mà để viên ma túy xuống mặt bàn. Khoảng 15 phút sau thì có 02 nhân viên nữ do N đưa đến là Lương Thị O và Lê Thị U đi vào phòng 301 để hát và phục vụ thì D lại lấy 01 viên ma túy tổng hợp trong người ra đưa cho O và nói “bẻ đôi ra mỗi đứa một nửa rồi sử dụng”, O biết đó là viên ma túy tổng hợp nên đã cầm và bẻ ra chia cho U ½ viên, rồi O và U dùng nước lọc mỗi người uống hết ½ viên ma túy D đưa, sau đó lại có 02 nhân

viên nữ là Lò Thị V và 01 nhân viên nữ (không xác định được danh tính) do N đưa đến vào phòng 301 để hát cùng thì D lại lấy 01 viên ma túy trong người ra bẻ làm đôi và đưa cho mỗi người $\frac{1}{2}$ viên để sử dụng, do biết đó là ma túy tổng hợp nên 02 nhân viên này cũng dùng nước lọc rồi cho ma túy vào miệng và uống hết vào cơ thể. Sau đó tất cả nhảy múa theo tiếng nhạc. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày công an huyện X đến kiểm tra thì T đóng cửa quán, tắt điện rồi đưa D, F, Q, G và 01 nhân viên nữ (không xác định được danh tính) xuống tầng 1 đi theo lối cửa sau trốn khỏi quán. Còn lại Lò Thị V, Lê Thị U và Lương Thị O và Nguyễn Văn T ở lại quán hát thì bị công an vào kiểm tra lập biên bản, lúc này V, O, U đã thừa nhận hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình, T đã thừa nhận đồng phạm giúp sức hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình. Cơ quan điều tra đã thu giữ: Tại phòng hát 301 gồm : $\frac{1}{2}$ vỏ túi hạt hướng dương kích thước 15×10 cm, bên trong bề mặt bám dính chất bột màu hồng nghi là ma túy tổng hợp, niêm phong ký hiệu A1. Tạm giữ tại quán Karaoke P 03 chiếc xe mô tô, gồm: 01 chiếc nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 88G1 – 177.00; 01 chiếc nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 88K1 – 6666; 01 chiếc nhãn hiệu Honda Way biển kiểm soát 30X3 – 0911.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ của Nguyễn Văn T: 01 chiếc điện thoại di động Oppo có số Imei: 865720045839351; tạm giữ của Nguyễn Văn F 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, số Imei: 0356984060539199; tạm giữ của Dương Văn D: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 có số Imei: 355838081625463; tạm giữ của Nguyễn Văn G 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo có số Imei: 86977022775652; tạm giữ của Nguyễn Văn Q 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus có số Imei: 354437062483215 và 01 chiếc biển kiểm soát xe mô tô 88G1 – 190.54 Q tháo ra từ xe mô tô Honda **Dream** để thay vào chiếc biển kiểm soát 88K1 - 6666; tạm giữ của Lò Thị V 01 chiếc điện thoại di động Oppo màu đen; tạm giữ của anh Nguyễn Văn K (vợ là Nguyễn Thị Y) chủ quán hát Karaoke P 01 đầu thu Camera nhãn hiệu HKVision được niêm phong ký hiệu A10; thu giữ mẫu nước tiểu của D, T, F, G, Q, U, O, V niêm phong theo ký hiệu A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9 để phục vụ điều tra.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng D cầm cố điện thoại cho T để lấy tiền mua ma túy và 1.000.000 đồng F góp, 850.000 đồng Q góp, 200.000 đồng G góp cho D để mua ma túy. Tổng số là 6.050.000 đồng, sau đó D mua ma túy hết 2.000.000 đồng, còn lại 4.050.000 đồng khi chạy trốn D đã làm rơi mất nên không thu giữ được.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X ra Quyết định số 433, Trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành giám định mẫu vật được niêm phong ký hiệu A1. Tại Kết luận giám định số 1470/KLGD ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: “Chất màu hồng bám dính trong mảnh túi nilon của mẫu ký hiệu A1 gửi đến giám định là ma túy loại MDMA. MDMA là

chất ma túy nằm trong danh mục I, STT 27, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”. Sau khi giám định mẫu A1 đã hết, hoàn trả trực tiếp đối tượng còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu gồm toàn bộ bao gói.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X ra các Quyết định trưng cầu số 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành giám định mẫu vật được niêm phong ký hiệu A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9. Tại các Kết luận giám định các số 1501, 1502, 1509, 1510, 1486, 1487, 1488, 1480, 1469/KLGĐ các ngày 29, 30 tháng 7 năm 2019 và ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: “Tìm thấy chất ma túy MDMA có trong mẫu chất lỏng màu vàng ghi là mẫu nước tiểu thu của Dương Văn D, Nguyễn Văn F, Nguyễn Văn G, Lò Thị V, Lê Thị U, Lường Thị O. Không tìm thấy chất ma túy có trong mẫu chất lỏng màu vàng ghi là mẫu nước tiểu thu của Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q”. Sau khi giám định các mẫu A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9 đã hết, hoàn trả trực tiếp đối tượng còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu và toàn bộ bao gói.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X ra Quyết định trưng cầu số 442, Trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành giám định mẫu vật được niêm phong ký hiệu A10. Tại Kết luận giám định số 1469 ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: “Không khôi phục được dữ liệu video ở ổ cứng gửi giám định thời gian từ 00 giờ 00 phút ngày 22 tháng 7 năm 2019 đến 02 giờ 30 phút ngày 22 tháng 7 năm 2019”.

Sau khi giám định không có dữ liệu trong đầu thu Camera, ngày 22 tháng 8 năm 2019, Cơ quan điều tra Công an huyện X đã trả lại 01 (Một) đầu thu Camera nhãn hiệu HKVision cho anh Nguyễn Văn K.

Về nguồn gốc ma túy bị cáo D khai nhận: Khoảng đầu tháng 7 năm 2019, khi đang làm thuê ở Trung Quốc bị cáo được một người bạn mới quen (không nhớ tên, tuổi, địa chỉ) cho 01 viên ma túy tổng hợp. Còn 04 viên ma túy tổng hợp còn lại ngày 22 tháng 7 năm 2019 khi ở quán Karaoke P, D gọi điện thoại cho một người D chỉ biết tên là A hỏi mua ma túy, nhưng A không có và A đã giới thiệu Tạ Văn R ở thôn W, xã B, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc đến bán 04 viên ma túy tổng hợp cho D. Quá trình điều tra R không có mặt ở địa phương và chưa xác định được danh tính của đối tượng tên A nên cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2020/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện X đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 05 tháng 8 năm 2019 đến ngày 27 tháng 12 năm 2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo khác, của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, hợp pháp. Từ đó có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ 01 giờ 00 phút đến 02 giờ 30 phút ngày 22 tháng 7 năm 2019, bị cáo Nguyễn Văn T cho Dương Văn D thuê phòng 301 của quán Karaoke P ở Thôn S, xã B, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc, đồng thời nhận cầm cố tài sản cho Dương Văn D để Dương Văn D lấy tiền mua ma túy và tổ chức cho Nguyễn Văn F, Nguyễn Văn G, Lương Thị O, Lê Thị U, Lò Thị V cùng sử dụng trái phép chất ma túy.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị

cáo đã ngang nhiên giúp sức cho Dương Văn D tổ chức cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, đã xâm phạm trực tiếp chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và việc sử dụng chất ma túy vào mục đích chữa bệnh, đã ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó cần thiết phải xét xử bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ và cung cấp tài liệu về việc ngày 01/3/2021 bị cáo đã giúp Công an huyện X bắt giữ 15 đối tượng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại quán Karaoke I ở tổ dân phố Bắc Ké, xã B, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; vị trí, vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 06 năm tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt) đối với bị cáo là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm t, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 05 tháng 8 năm 2019 đến ngày 27 tháng 12 năm 2019.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện X;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc
- Công an huyện X;
- TAND huyện X;
- THADS huyện X;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ, HCTP, Toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà